TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-02-2025
V/v "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng;

2. Bà Trương Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, *tỉnh Bình Định tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 1992 (vắng mặt, có Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực C, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm: 1981 (vắng mặt, có Đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 69/19 B, khu vực N2, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Trước khi kết hôn, chị và anh Phạm Văn H có tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 31/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống ở nhà cha mẹ chồng ở khu vực N2, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. Thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, khoảng năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị đi làm thu nhập thấp nên kinh tế khó khăn. Hơn nữa, anh H thiếu tôn trọng và tin tưởng chị. Có lần anh H nghi ngờ chị trộm tài sản trong nhà. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2022 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có một người con chung: Phạm Nguyễn Gia K, sinh ngày 13/8/2017. Hiện nay con chung đang ở với chị. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Theo các lời khai tại hồ sơ, bị đơn anh Phạm Văn H trình bày:

Trước khi kết hôn, anh và chị Nguyễn Thị Bích N có tìm hiểu nhau trong thời gian ngắn. Cả hai tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 31/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhà mẹ ruột của anh ở số 69/19 B, khu vực N2, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. Thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, khoảng năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị N không đi làm để có thu nhập nên kinh tế khó khăn. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2023 đến nay. Anh xác định không còn tình cảm với chị N nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Vợ chồng có một người con chung: Phạm Nguyễn Gia K, sinh ngày 13/8/2017. Hiện nay con chung đang ở với chị N. Anh đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng vì thu nhập thấp..

Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích N và anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Gia K, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Bích N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Buộc anh Phạm Văn H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn; anh Phạm Văn H phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Anh Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Bích N yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Phạm Văn H có địa chỉ cư trú tại số 69/19 B, khu vực N2, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Chị N và anh H vắng mặt nhưng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh H.

[3] Chị N và anh H đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 31/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Đ. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp.

[4] Chị N và anh H đều thừa nhận quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và anh H đồng ý. Do đó theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh H.

[5] Chị N và anh H có một người con chung là cháu Phạm Nguyễn Gia K, sinh ngày 13/8/2017. Hiện nay con chung đang ở với chị N. Các bên thống nhất giao con chung cho chị N trực tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với nguyện vọng của cháu K và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận và giao cháu Phạm Nguyễn Gia K cho chị N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên tranh chấp về mức cấp dưỡng nuôi con. Cụ thể, chị N yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng anh H không đồng ý. Xét thấy, theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình, cha mẹ không sống chung với con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên. Hiện nay cháu K chưa thành niên và đang ở

với chị N nên anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ, thị xã A, tỉnh Bình Định thuộc vùng IV, mức lương tối thiểu là 3.450.000 đồng/tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (sau đây gọi là Nghị quyết số 01), mức cấp dưỡng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con (không thấp hơn 1.725.000 đồng/tháng). Sau khi cân nhắc thu nhập, khả năng thực tế của anh H và nhu cầu thiết yếu của cháu K, Hội đồng xét xử ấn định mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

[7] Chị N và anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị N và anh H mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn. Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 55, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Áp dụng khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích N và anh Phạm Văn H.

2. Giao cháu Phạm Nguyễn Gia K, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2017 cho chị Nguyễn Thị Bích N tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Buộc anh Phạm Văn H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Bích N phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005601 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị Nguyễn Thị Bích N được hoàn trả số tiền chênh lệch là 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Buộc anh Phạm Văn H phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra & THA TAND tỉnh Bình Định;
- UBND phường Đ, thị xã A (Giấy CNKH số 153/2015);
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Duy Minh